

## **Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC**

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019



# Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10 - 34

# Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC ("Công ty") tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Dược Việt Nam – Bộ Y tế. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") đầu tiên của Công ty số 102652 được Trọng tài Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 5 năm 1993.

Vào ngày 8 tháng 2 năm 2002, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 138/QĐ-TTg do Thủ tướng Chính phủ cấp. Theo đó, Công ty đã được cấp GCNĐKKD số 4103000893 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 25 tháng 3 năm 2002 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 14, số 0302560110 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 8 năm 2016.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là OPC theo Quyết định số 113/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20 tháng 10 năm 2008.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất dược phẩm, hóa chất; kinh doanh và cung cấp dịch vụ.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 1017 Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trịnh Xuân Vương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Chí Linh	Phó Chủ tịch
Ông Lê Minh Điểm	Thành viên
Ông Trương Đức Vọng	Thành viên
Ông Ngô Tân Long	Thành viên

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Trưởng ban
Ông Nguyễn Văn Tấn	Thành viên
Ông Lê Vũ Thuật	Thành viên

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Chí Linh	Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Thúy Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hà Đức Cường	Phó Tổng Giám đốc

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trịnh Xuân Vương và Ông Nguyễn Chí Linh.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.



# Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 14.1 của báo cáo tài chính riêng kèm theo. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đề ngày 10 tháng 3 năm 2020.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Nguyễn Chí Linh  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 3 năm 2020



Số tham chiếu: 61517100/21236198

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC (“Công ty”) được lập ngày 10 tháng 3 năm 2020 và được trình bày từ trang 5 đến trang 34, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

### **Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính riêng đó vào ngày 26 tháng 3 năm 2019.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Lê Vũ Trường  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNDKHN Kiểm toán  
Số: 1588-2018-004-1



Ngô Thị Thúy Hòa  
Kiểm toán viên  
Giấy CNDKHN Kiểm toán  
Số: 4171-2017-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 3 năm 2020



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>508.974.421.406</b>	<b>560.083.778.943</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>	<b>4</b>	<b>42.201.814.156</b>	<b>54.341.040.943</b>
111	1. Tiền		42.201.814.156	54.341.040.943
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>68.954.572</b>	<b>68.954.572</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh		68.954.572	68.954.572
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>152.492.621.638</b>	<b>150.581.931.585</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	128.518.187.520	135.206.018.808
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	500.000.000	7.143.785.512
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	29.000.000.000	9.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	613.547.222	608.473.524
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.1, 7	(6.139.113.104)	(1.376.346.259)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>312.881.010.967</b>	<b>352.695.006.031</b>
141	1. Hàng tồn kho		313.741.355.281	353.948.676.255
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(860.344.314)	(1.253.670.224)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>1.330.020.073</b>	<b>2.396.845.812</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	1.229.598.928	1.516.751.099
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		100.421.145	453.978.911
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		-	426.115.802
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>360.035.705.495</b>	<b>358.162.619.708</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>27.000.000</b>	<b>27.000.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	1.575.519.483	1.769.885.483
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	7	(1.548.519.483)	(1.742.885.483)
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>212.429.637.720</b>	<b>222.289.589.328</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	134.098.652.138	142.858.634.522
222	Nguyên giá		375.015.217.531	364.435.336.523
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(240.916.565.393)	(221.576.702.001)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	78.330.985.582	79.430.954.806
228	Nguyên giá		83.587.042.931	83.587.042.931
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(5.256.057.349)	(4.156.088.125)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>14.644.976.906</b>	<b>2.355.469.163</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	14.644.976.906	2.355.469.163
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>14</b>	<b>131.545.000.000</b>	<b>131.020.000.000</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		107.760.000.000	107.760.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		12.000.000.000	12.000.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		11.785.000.000	11.260.000.000
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>1.389.090.869</b>	<b>2.470.561.217</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	-	931.000.000
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	28.3	1.389.090.869	1.539.561.217
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>869.010.126.901</b>	<b>918.246.398.651</b>



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>253.474.623.762</b>	<b>369.380.048.465</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>248.901.436.554</b>	<b>364.746.258.590</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	23.695.283.279	128.984.316.078
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		255.157.190	282.141.908
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	10.690.239.774	10.565.108.403
314	4. Phải trả người lao động		64.697.300.913	75.668.027.394
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	1.561.774.840	2.285.143.234
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		1.073.350.000	3.015.200.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	459.740.920	27.124.119.744
320	8. Vay ngắn hạn	19	118.937.719.512	94.019.806.434
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	27.530.870.126	22.802.395.395
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>4.573.187.208</b>	<b>4.633.789.875</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác		60.000.000	60.000.000
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	21	4.513.187.208	4.573.789.875
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>615.535.503.139</b>	<b>548.866.350.186</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>22.1</b>	<b>615.535.503.139</b>	<b>548.866.350.186</b>
411	1. Vốn cổ phần		265.772.800.000	265.772.800.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		265.772.800.000	265.772.800.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		16.680.700.783	16.680.700.783
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		207.738.463.440	192.197.391.440
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		125.343.538.916	74.215.457.963
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		74.215.457.963	58.142.047.193
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		51.128.080.953	16.073.410.770
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>869.010.126.901</b>	<b>918.246.398.651</b>

*baui*

*pm*



Hồ Thị Hải Vân  
Người lập

Nguyễn Thế Đề  
Kế toán trưởng

Nguyễn Chí Linh  
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	828.335.805.832	944.964.261.179
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23.1	4.726.484.803	2.137.144.042
<b>10</b>	<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>23.1</b>	<b>823.609.321.029</b>	<b>942.827.117.137</b>
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24	435.433.548.969	539.994.953.013
<b>20</b>	<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>388.175.772.060</b>	<b>402.832.164.124</b>
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	8.373.317.699	6.183.663.803
22	7. Chi phí tài chính	25	13.097.211.081	12.026.939.456
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		6.852.952.971	5.231.776.847
25	8. Chi phí bán hàng	26	176.817.845.319	205.218.220.400
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	77.380.626.251	78.489.592.998
<b>30</b>	<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>129.253.407.108</b>	<b>113.281.075.073</b>
31	11. Thu nhập khác		2.409.632.448	3.047.501.731
32	12. Chi phí khác		964.512.074	138.891.515
<b>40</b>	<b>13. Lợi nhuận khác</b>		<b>1.445.120.374</b>	<b>2.908.610.216</b>
<b>50</b>	<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>130.698.527.482</b>	<b>116.189.685.289</b>
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.1	26.940.909.181	24.304.347.712
52	16. Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	28.3	150.470.348	(214.251.241)
<b>60</b>	<b>17. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>		<b>103.607.147.953</b>	<b>92.099.588.818</b>

*baul*

Hồ Thị Hải Vân  
Người lập

Nguyễn Thế Đề  
Kế toán trưởng

Nguyễn Chí Linh  
Tổng Giám đốc



Ngày 10 tháng 3 năm 2020



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>130.698.527.482</b>	<b>116.189.685.289</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định	10, 11	21.582.567.409	18.162.861.649
03	Các khoản dự phòng		4.114.472.268	1.681.275.356
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(2.933.171)	25.859.504
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(8.302.784.366)	(6.161.289.983)
06	Chi phí lãi vay	25	6.852.952.971	5.231.776.847
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>154.942.802.593</b>	<b>135.130.168.662</b>
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		9.069.607.208	(4.013.402.163)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		40.168.515.974	(82.538.230.905)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(111.894.660.379)	43.737.822.243
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		1.218.152.171	(183.016.551)
14	Tiền lãi vay đã trả		(6.660.678.620)	(5.103.190.890)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(26.329.328.000)	(24.575.626.217)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.461.512.192)	(5.070.196.134)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>55.052.898.755</b>	<b>57.384.328.045</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(18.916.453.082)	(31.799.791.258)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		196.818.181	328.080.000
23	Tiền chi cho vay		(36.000.000.000)	-
24	Tiền thu hồi cho vay		10.000.000.000	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(525.000.000)	-
27	Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận đã nhận		6.230.321.622	4.122.966.596
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(39.014.313.279)</b>	<b>(27.348.744.662)</b>



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		-	18.983.760.000
33	Tiền thu từ đi vay	19	400.956.681.747	405.752.811.573
34	Tiền trả nợ gốc vay	19	(376.038.768.669)	(391.869.317.398)
36	Cổ tức đã trả		(53.097.322.000)	(52.039.859.000)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính</b>		<b>(28.179.408.922)</b>	<b>(19.172.604.825)</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>(12.140.823.446)</b>	<b>10.862.978.558</b>
<b>60</b>	<b>Tiền đầu năm</b>		<b>54.341.040.943</b>	<b>43.605.522.889</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.596.659	(127.460.504)
<b>70</b>	<b>Tiền cuối năm</b>	<b>4</b>	<b>42.201.814.156</b>	<b>54.341.040.943</b>

*baul*

*[Signature]*



Hồ Thị Hải Vân  
Người lập

Nguyễn Thế Đề  
Kế toán trưởng

Nguyễn Chí Linh  
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC (“Công ty”) tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Dược Việt Nam – Bộ Y tế. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) đầu tiên của Công ty số 102652 được Trọng tài Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 5 năm 1993.

Vào ngày 8 tháng 2 năm 2002, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 138/QĐ-TTg do Thủ tướng Chính phủ cấp. Theo đó, Công ty đã được cấp GCNĐKKD số 4103000893 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 25 tháng 3 năm 2002 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 14, số 0302560110 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 8 năm 2016.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là OPC theo Quyết định số 113/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20 tháng 10 năm 2008.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất dược phẩm, hóa chất; kinh doanh và cung cấp dịch vụ.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 1017 Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 780 người (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 833 người).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng**

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 14.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đề ngày 10 tháng 3 năm 2020.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

**2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

### 2.2 *Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng* (tiếp theo)

Vào ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư 200 cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Theo đó, báo cáo tài chính riêng và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

### 2.4 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### 2.5 *Đơn vị tiền tệ kế toán*

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam (VND).

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1 *Tiền*

Tiền gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

### 3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

#### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác, sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### 3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Công ty mua hoặc thuê. Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là không có thời hạn hoặc có thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo thời gian sử dụng, còn quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được trích khấu hao.

#### 3.6 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	3 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Phần mềm máy tính	5 năm
Quyền sử dụng đất có thời hạn	Thời gian sử dụng
Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không trích khấu hao

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.7 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán vào chi phí phát sinh trong năm.

**3.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

**3.9 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào công ty con*

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.10 Các khoản phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.11 Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi năm báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phân thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

**3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày này theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.13 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo Điều lệ Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

*Quỹ đầu tư và phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung, nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.14 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

*Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

**3.15 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.15 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

**3.16 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**4. TIỀN**

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	8.752.786.439	20.847.264.783
Tiền gửi ngân hàng	33.449.027.717	33.493.776.160
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>42.201.814.156</b>	<b>54.341.040.943</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

**5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ bên liên quan	877.800.000	-
<i>Công ty Cổ phần Dược phẩm TW 25</i>	877.800.000	-
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	<u>127.640.387.520</u>	<u>135.206.018.808</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>128.518.187.520</u></b>	<b><u>135.206.018.808</u></b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	<u>(6.114.113.104)</u>	<u>(1.376.346.259)</u>
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b><u>122.404.074.416</u></b>	<b><u>133.829.672.549</u></b>

Như được trình bày tại *Thuyết minh số 19*, Công ty đã thế chấp một phần khoản phải thu để bảo đảm cho các khoản vay ngân hàng.

**5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Chấn Nam Phát	-	5.044.975.462
Khác	<u>500.000.000</u>	<u>2.098.810.050</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>500.000.000</u></b>	<b><u>7.143.785.512</u></b>

**6. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cho các bên liên quan vay	<u>29.000.000.000</u>	<u>9.000.000.000</u>

Chi tiết các khoản cho các bên liên quan vay tín chấp như sau:

Bên vay	Số cuối năm	Ngày đáo hạn	Lãi suất
	VND		%/năm
Công ty Cổ phần Dược OPC Bắc Giang	22.000.000.000	Ngày 20 tháng 8 năm 2020	5,8%
Công ty TNHH MTV Dược phẩm OPC Bình Dương	<u>7.000.000.000</u>	Ngày 22 tháng 9 năm 2020	6,0%
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>29.000.000.000</u></b>		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**7. PHẢI THU KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>613.547.222</b>	<b>608.473.524</b>
Tạm ứng nhân viên	340.926.000	177.952.000
Lãi vay phải thu	126.311.100	-
Khác	146.310.122	430.521.524
<b>Dài hạn</b>	<b>1.575.519.483</b>	<b>1.769.885.483</b>
Phải thu nhân viên	1.298.519.483	1.492.885.483
Khác	277.000.000	277.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.189.066.705</u></b>	<b><u>2.378.359.007</u></b>
<i>Dự phòng phải thu khác khó đòi</i>		
<i>Trong đó:</i>		
Ngắn hạn	(25.000.000)	-
Dài hạn	(1.548.519.483)	(1.742.885.483)

**8. NỢ XẤU**

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>11.579.122.686</b>	<b>(6.114.113.104)</b>	<b>3.784.543.051</b>	<b>(1.376.346.259)</b>
Bệnh viện	7.794.579.635	(3.334.910.368)	-	-
Nhà thuốc	2.456.123.504	(1.707.811.453)	2.456.123.504	(1.202.436.752)
Khác	1.328.419.547	(1.071.391.283)	1.328.419.547	(173.909.507)
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>25.000.000</b>	<b>(25.000.000)</b>	-	-
Phải thu nhân viên	25.000.000	(25.000.000)	-	-
<b>Phải thu dài hạn khác</b>	<b>1.548.519.483</b>	<b>(1.548.519.483)</b>	<b>1.742.885.483</b>	<b>(1.742.885.483)</b>
Phải thu nhân viên	1.298.519.483	(1.298.519.483)	1.492.885.483	(1.492.885.483)
Khác	250.000.000	(250.000.000)	250.000.000	(250.000.000)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>13.152.642.169</u></b>	<b><u>(7.687.632.587)</u></b>	<b><u>5.527.428.534</u></b>	<b><u>(3.119.231.742)</u></b>

**9. HÀNG TỒN KHO**

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	214.401.328.436	(754.095.295)	171.465.466.328	(1.115.957.307)
Thành phẩm	95.172.101.958	(106.249.019)	128.242.759.553	(137.712.917)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.870.831.113	-	2.264.443.964	-
Hàng hoá	1.297.093.774	-	12.482.983.860	-
Hàng mua đang đi đường	-	-	39.493.022.550	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>313.741.355.281</u></b>	<b><u>(860.344.314)</u></b>	<b><u>353.948.676.255</u></b>	<b><u>(1.253.670.224)</u></b>

Như được trình bày tại *Thuyết minh số 19*, Công ty đã thế chấp một phần hàng tồn kho để bảo đảm cho các khoản vay ngân hàng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	VND				
	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>					
Số đầu năm	215.231.280.464	123.786.030.055	22.767.375.152	2.650.650.852	364.435.336.523
Mua trong năm	139.424.584	3.312.516.364	2.923.642.836	-	6.375.583.784
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	2.979.173.586	2.367.858.431	-	-	5.347.032.017
Thanh lý	-	-	(1.142.734.793)	-	(1.142.734.793)
<b>Số cuối năm</b>	<b>218.349.878.634</b>	<b>129.466.404.850</b>	<b>24.548.283.195</b>	<b>2.650.650.852</b>	<b>375.015.217.531</b>
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>					
Số đầu năm	90.066.864.125	109.900.241.152	19.029.488.406	2.580.108.318	221.576.702.001
Khấu hao trong năm	10.387.198.446	6.705.645.702	3.366.572.233	23.181.804	20.482.598.185
Thanh lý	-	-	(1.142.734.793)	-	(1.142.734.793)
<b>Số cuối năm</b>	<b>100.454.062.571</b>	<b>116.605.886.854</b>	<b>21.253.325.846</b>	<b>2.603.290.122</b>	<b>240.916.565.393</b>
<b>Giá trị còn lại:</b>					
<b>Số đầu năm</b>	<b>125.164.416.339</b>	<b>13.885.788.903</b>	<b>3.737.886.746</b>	<b>70.542.534</b>	<b>142.858.634.522</b>
<b>Số cuối năm</b>	<b>117.895.816.063</b>	<b>12.860.517.996</b>	<b>3.294.957.349</b>	<b>47.360.730</b>	<b>134.098.652.138</b>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết</i>	29.734.928.923	108.808.641.949	20.018.315.268	2.557.923.579	161.119.809.719

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	VND		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>			
<b>Số đầu năm và số cuối năm</b>	<b>82.296.407.931</b>	<b>1.290.635.000</b>	<b>83.587.042.931</b>
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>			
Số đầu năm	2.865.453.125	1.290.635.000	4.156.088.125
Khấu hao trong năm	1.099.969.224	-	1.099.969.224
<b>Số cuối năm</b>	<b>3.965.422.349</b>	<b>1.290.635.000</b>	<b>5.256.057.349</b>
<b>Giá trị còn lại:</b>			
<b>Số đầu năm</b>	<b>79.430.954.806</b>	<b>-</b>	<b>79.430.954.806</b>
<b>Số cuối năm</b>	<b>78.330.985.582</b>	<b>-</b>	<b>78.330.985.582</b>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết</i>	-	1.290.635.000	1.290.635.000

**12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Xây dựng mới chi nhánh Cần Thơ	14.644.976.906	-
Khác	-	2.355.469.163
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>14.644.976.906</b>	<b>2.355.469.163</b>

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.229.598.928</b>	<b>1.516.751.099</b>
Công cụ, dụng cụ	749.508.385	720.227.636
Khác	480.090.543	796.523.463
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>931.000.000</b>
Tiền thuê cửa hàng	-	931.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.229.598.928</b>	<b>2.447.751.099</b>



# Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	
Đầu tư vào các công ty con	107.760.000.000	107.760.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	12.000.000.000	12.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	11.785.000.000	11.260.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>131.545.000.000</b>	<b>131.020.000.000</b>

### 14.1 Đầu tư vào các công ty con

Tên công ty	Địa điểm	Hoạt động chính	Số cuối năm			Số đầu năm		
			Tỷ lệ vốn năm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc đầu tư	Tỷ lệ vốn năm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc đầu tư
			%	%	VND	%	%	VND
Công ty Cổ phần Dược phẩm TW 25	Thành phố Hồ Chí Minh	Dược phẩm, bất động sản	58,14	58,14	92.760.000.000	58,14	58,14	92.760.000.000
Công ty TNHH MTV Dược phẩm OPC Bình Dương	Tỉnh Bình Dương	Dược phẩm	100,00	100,00	15.000.000.000	100,00	100,00	15.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>					<b>107.760.000.000</b>			<b>107.760.000.000</b>

### 14.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty	Địa điểm	Hoạt động chính	Số cuối năm			Số đầu năm		
			Tỷ lệ vốn năm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc đầu tư	Tỷ lệ vốn năm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc đầu tư
			%	%	VND	%	%	VND
Công ty Cổ phần Dược OPC Bắc Giang	Tỉnh Bắc Giang	Dược phẩm	40,00	40,00	12.000.000.000	40,00	40,00	12.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN** (tiếp theo)

**14.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc đầu tư VND	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc đầu tư VND
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidipha	180.000	4.070.000.000	180.000	4.070.000.000
Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh (*)	272.250	2.750.000.000	247.500	2.750.000.000
Công ty Cổ phần Bao bì Dược	145.000	1.950.000.000	145.000	1.950.000.000
Công ty Cổ phần Hóa dược Việt Nam	50.000	1.250.000.000	50.000	1.250.000.000
Công ty Cổ phần Vật tư Y tế Dược Thái Bình (**)	15.750	1.665.000.000	10.500	1.140.000.000
Công ty Cổ phần Dược & Thiết bị Vật tư Y tế Tuyên Quang	10.000	100.000.000	10.000	100.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>11.785.000.000</b>		<b>11.260.000.000</b>

(\*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 4 năm 2019, Đại hội Cổ đông của Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh ("Hadiphar") đã thống nhất thông qua phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2018. Theo Nghị quyết trên, Hadiphar đã phát hành thêm cổ phiếu với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 10% (mỗi cổ đông nắm giữ 10 cổ phiếu sẽ nhận được 1 cổ phiếu phát hành thêm), tương đương với 709.205 cổ phiếu được phát hành thêm. Theo đó, số lượng cổ phiếu Công ty nắm giữ của Hadiphar tăng từ 247.500 cổ phiếu lên 272.250 cổ phiếu.

(\*\*) Vào ngày 23 tháng 12 năm 2019, Công ty đã góp thêm vốn vào Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Thái Bình ("Dược Thái Bình") số tiền là 525.000.000 VND, tương đương với 5.250 cổ phiếu, theo Thông báo phát hành cổ phiếu số 90-CTD ngày 9 tháng 12 năm 2019.

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho các bên liên quan	5.913.892.697	65.953.938.855
<i>Công ty Cổ phần Dược phẩm TW 25</i>	1.674.855.741	54.094.597.037
<i>Công ty TNHH MTV Dược phẩm OPC Bình Dương</i>	2.718.641.956	9.810.384.818
<i>Công ty Cổ phần Dược OPC Bắc Giang</i>	1.520.395.000	2.048.957.000
Phải trả cho người bán	17.781.390.582	63.030.377.223
<i>Công ty TNHH Sản xuất phim Tuổi trẻ Việt</i>	4.382.632.000	-
<i>Jiangsu Dahua Pharmaceutical Co., Ltd.</i>	-	26.108.784.000
<i>Jiangxi Spice Chemical Industrial Co., Ltd.</i>	-	13.054.392.000
<i>Khác</i>	13.398.758.582	23.867.201.223
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>23.695.283.279</b>	<b>128.984.316.078</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.683.947.712	26.940.909.181	26.329.328.000	9.295.528.893
Thuế thu nhập cá nhân	1.879.545.855	11.671.030.609	12.158.060.928	1.392.515.536
Thuế tiêu thụ đặc biệt	1.614.836	45.503.782	44.923.273	2.195.345
Thuế giá trị gia tăng	-	18.455.702.116	18.455.702.116	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	2.670.077.022	2.670.077.022	-
Thuế nhập khẩu	-	113.627.166	113.627.166	-
Thuế khác	-	119.415.047	119.415.047	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>10.565.108.403</u></b>	<b><u>60.016.264.923</u></b>	<b><u>59.891.133.552</u></b>	<b><u>10.690.239.774</u></b>

Công ty đã được cơ quan thuế địa phương quyết toán thuế đến năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	430.940.129	238.665.778
Chi phí nhượng quyền	-	840.184.441
Khác	1.130.834.711	1.206.293.015
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.561.774.840</u></b>	<b><u>2.285.143.234</u></b>

**18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ tức	445.919.000	26.965.961.000
Kinh phí công đoàn	13.821.920	155.445.744
Khác	-	2.713.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>459.740.920</u></b>	<b><u>27.124.119.744</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**19. VAY NGẮN HẠN**

VND

	Số đầu năm	Vay trong năm	Trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn từ ngân hàng	<u>94.019.806.434</u>	<u>400.956.681.747</u>	<u>376.038.768.669</u>	<u>118.937.719.512</u>

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Hợp đồng	Số cuối năm VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Tài sản đảm bảo
<b>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn</b>				
01/2019/93680/HĐTD	48.452.065.776	Từ ngày 26 tháng 3 năm 2020 đến ngày 28 tháng 5 năm 2020	5,7% - 5,9%	Tín chấp
<b>Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh Hồ Chí Minh</b>				
HĐSTVN523-13	25.139.308.792	Từ ngày 24 tháng 1 năm 2020 đến ngày 21 tháng 4 năm 2020	5,4% - 6,0%	Hàng tồn kho và phải thu
<b>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh</b>				
0039/1938/N-CTD	16.997.658.812	Từ ngày 14 tháng 2 năm 2020 đến ngày 23 tháng 3 năm 2020	5,7%	Hàng tồn kho
<b>Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Shinhan Việt Nam</b>				
SHBVN/BC/HDTD/OPC/201804	28.348.686.132	Từ ngày 13 tháng 3 năm 2020 đến ngày 23 tháng 3 năm 2020	5,6%	Tín chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>118.937.719.512</b></u>			



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**20. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

	VND	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	22.802.395.395	18.657.996.904
Trích lập từ lợi nhuận giữ lại trong năm (Thuyết minh số 22.1)	10.360.715.000	9.142.238.000
Sử dụng quỹ	<u>(5.632.240.269)</u>	<u>(4.997.839.509)</u>
Số cuối năm	<u><b>27.530.870.126</b></u>	<u><b>22.802.395.395</b></u>

**21. DỰ PHÒNG DÀI HẠN**

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Trợ cấp thôi việc	<u>4.513.187.208</u>	<u>4.573.789.875</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**22.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu**

	VND				
	Vốn cổ phần (*)	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>					
Số đầu năm	253.116.960.000	10.392.780.783	178.484.033.440	58.142.047.193	500.135.821.416
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	92.099.588.818	92.099.588.818
Tăng vốn trong năm	12.655.840.000	6.327.920.000	-	-	18.983.760.000
Chi phí phát hành cổ phiếu	-	(40.000.000)	-	-	(40.000.000)
Phân phối quỹ	-	-	13.713.358.000	(13.713.358.000)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(9.142.238.000)	(9.142.238.000)
Cổ tức công bố	-	-	-	(53.154.560.000)	(53.154.560.000)
Khác	-	-	-	(16.022.048)	(16.022.048)
Số cuối năm	<u>265.772.800.000</u>	<u>16.680.700.783</u>	<u>192.197.391.440</u>	<u>74.215.457.963</u>	<u>548.866.350.186</u>
<b>Năm nay</b>					
Số đầu năm	265.772.800.000	16.680.700.783	192.197.391.440	74.215.457.963	548.866.350.186
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	103.607.147.953	103.607.147.953
Phân phối quỹ	-	-	15.541.072.000	(15.541.072.000)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(10.360.715.000)	(10.360.715.000)
Cổ tức công bố	-	-	-	(26.577.280.000)	(26.577.280.000)
Số cuối năm	<u>265.772.800.000</u>	<u>16.680.700.783</u>	<u>207.738.463.440</u>	<u>125.343.538.916</u>	<u>615.535.503.139</u>

(\*) Vốn cổ phần của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được góp đầy đủ và phê duyệt bởi Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 308/QĐ-SGDHCM ngày 13 tháng 8 năm 2018. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Công ty đang trong quá trình hoàn tất các hồ sơ cần thiết để nhận được Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**22.2 Cổ phiếu**

	<i>Số lượng</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Cổ phiếu được phép phát hành	26.577.280	26.577.280
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	26.577.280	26.577.280
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	26.577.280	26.577.280
Cổ phiếu đang lưu hành	26.577.280	26.577.280
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	26.577.280	26.577.280

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết không hạn chế.

**22.3 Cổ tức**

	<i>VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Cổ tức công bố trong năm</b>	<b>26.577.280.000</b>	<b>53.154.560.000</b>
<i>Tạm ứng cổ tức đợt 1 (10%):</i>	26.577.280.000	26.577.280.000
<i>Trích trước cổ tức đợt 2 (10%):</i>	-	26.577.280.000
<b>Cổ tức đã trả trong năm</b>	<b>53.097.322.000</b>	<b>52.039.859.000</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**23. DOANH THU**

**23.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>828.335.805.832</b>	<b>944.964.261.179</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa</i>	825.818.844.201	943.305.287.827
<i>Doanh thu bán nguyên vật liệu</i>	2.368.221.631	1.541.632.227
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	148.740.000	117.341.125
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Hàng bán bị trả lại	(4.726.484.803)	(2.137.144.042)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>823.609.321.029</b>	<b>942.827.117.137</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 29)</i>	720.738.207	405.145.521
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	822.888.582.822	942.421.971.616

**23.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức và lợi nhuận được chia	5.679.537.063	4.886.845.378
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.426.429.122	946.364.605
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	267.351.514	338.557.570
Chiết khấu thanh toán	-	11.896.250
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>8.373.317.699</b>	<b>6.183.663.803</b>

**24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn thành phẩm và hàng hóa đã bán	413.662.978.959	511.520.969.071
Giá vốn hàng khuyến mãi	18.505.053.493	25.655.969.434
Giá vốn nguyên vật liệu đã bán	3.265.516.517	2.818.014.508
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>435.433.548.969</b>	<b>539.994.953.013</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	6.852.952.971	5.231.776.847
Chiết khấu thanh toán	5.825.380.272	6.439.287.199
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái	418.877.838	355.875.410
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>13.097.211.081</u></b>	<b><u>12.026.939.456</u></b>

**26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>176.817.845.319</b>	<b>205.218.220.400</b>
Chi phí nhân viên	114.008.268.330	142.086.775.620
Chi phí quảng cáo tiếp thị	20.911.000.516	19.764.381.417
Khác	41.898.576.473	43.367.063.363
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>77.380.626.251</b>	<b>78.489.592.998</b>
Chi phí nhân viên	31.821.681.803	37.253.289.697
Khác	45.558.944.448	41.236.303.301
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>254.198.471.570</u></b>	<b><u>283.707.813.398</u></b>

**27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	310.585.559.865	351.426.263.746
Chi phí nhân viên	181.267.865.955	219.676.184.527
Chi phí dịch vụ mua ngoài	48.989.879.894	50.109.266.567
Chi phí khấu hao	21.582.567.409	18.162.861.649
Chi phí khác	56.902.289.792	58.122.437.519
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>619.328.162.915</u></b>	<b><u>697.497.014.008</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) của Công ty là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**28.1 Chi phí thuế TNDN**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.895.528.893	24.283.947.712
Điều chỉnh thuế TNDN bổ sung năm trước	45.380.288	20.400.000
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	150.470.348	(214.251.241)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>27.091.379.529</u></b>	<b><u>24.090.096.471</u></b>

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b><u>130.698.527.482</u></b>	<b><u>116.189.685.289</u></b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	26.139.705.497	23.237.937.059
<i>Điều chỉnh thuế do:</i>		
Chi phí không được khấu trừ	2.042.201.157	1.809.128.488
Thu nhập cố tức không chịu thuế TNDN	(1.135.907.413)	(977.369.076)
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong các năm trước	45.380.288	20.400.000
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b><u>27.091.379.529</u></b>	<b><u>24.090.096.471</u></b>

**28.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**28.3 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán riêng</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Trợ cấp thời việc phải trả	902.637.442	914.757.975	(12.120.533)	(12.516.225)
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	314.703.896	348.577.096	(33.873.200)	(49.545.633)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	172.068.863	250.734.045	(78.665.182)	250.734.045
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(319.332)	25.492.101	(25.811.433)	25.579.054
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần</b>	<b><u>1.389.090.869</u></b>	<b><u>1.539.561.217</u></b>		
<b>(Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại</b>			<b><u>(150.470.348)</u></b>	<b><u>214.251.241</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch của Công ty với các bên liên quan trong năm như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty TNHH MTV Dược phẩm OPC Bình Dương	Công ty con	Mua hàng hóa, nguyên vật liệu	43.530.003.720	46.090.901.035
		Trả lại hàng mua	51.867.000	-
		Lợi nhuận được chia	1.304.583.363	1.253.993.387
		Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	714.963.661	390.807.343
		Lãi cho vay	444.750.100	456.250.000
		Thu nhập cho thuê	445.612.184	440.762.974
Công ty Cổ phần Dược phẩm TW 25	Công ty con	Mua hàng hóa	599.368.224	98.885.790.403
		Trả lại hàng mua	15.777.398.373	-
		Cổ tức được chia	2.319.000.000	2.319.000.000
		Thu nhập cho thuê xe, mặt bằng	1.246.442.767	120.000.000
		Thu nhập từ thanh lý tài sản và phế liệu	38.300.000	-
		Doanh thu bán công cụ, dụng cụ và nguyên vật liệu	5.774.546	14.338.178
		Chi phí thuê xe	-	120.000.000
Công ty Cổ phần Dược OPC Bắc Giang	Công ty liên kết	Mua nguyên vật liệu	47.879.204.000	61.109.834.500
		Cho vay	36.000.000.000	-
		Lãi cho vay	641.222.200	-
		Lợi nhuận được chia	1.416.475.700	763.956.271



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

				VND	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>					
Công ty Cổ phần Dược phẩm TW 25	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	877.800.000	-	
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>					
Công ty Cổ phần Dược OPC Bắc Giang	Công ty liên kết	Cho vay	22.000.000.000	-	
Công ty TNHH MTV Dược phẩm OPC Bình Dương	Công ty con	Cho vay	7.000.000.000	9.000.000.000	
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>29.000.000.000</b>	<b>9.000.000.000</b>	
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>					
Công ty Cổ phần Dược OPC Bắc Giang	Công ty liên kết	Lãi cho vay	126.311.100	-	
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>					
Công ty TNHH MTV Dược phẩm OPC Bình Dương	Công ty con	Mua nguyên vật liệu, hàng hóa	2.718.641.956	9.810.384.818	
Công ty Cổ phần Dược phẩm TW 25	Công ty con	Mua hàng hóa	1.674.855.741	54.094.597.037	
Công ty Cổ phần Dược OPC Bắc Giang	Công ty liên kết	Mua nguyên vật liệu	1.520.395.000	2.048.957.000	
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>5.913.892.697</b>	<b>65.953.938.855</b>	
<b>Các giao dịch với các bên liên quan khác</b>					
Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát					
				VND	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>	
Lương và thưởng			8.046.125.590	7.409.722.305	
Các khoản phúc lợi khác			5.767.444.433	4.238.333.328	
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>13.813.570.023</b>	<b>11.648.055.633</b>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**30. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty hiện đang thuê đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trong vòng 1 năm	2.670.077.022	2.670.077.022
Từ 2 năm đến 5 năm	836.352.000	2.980.611.838
Trên 5 năm	4.390.848.000	4.599.936.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>7.897.277.022</u></b>	<b><u>10.250.624.860</u></b>

**31. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ:		
- Đô la Mỹ (USD)	<u>36.994</u>	<u>566.924</u>

**32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

*ball* \_\_\_\_\_ *pm* \_\_\_\_\_ *nguyen* \_\_\_\_\_



Hồ Thị Hải Vân  
Người lập

Nguyễn Thế Đề  
Kế toán trưởng

Nguyễn Chí Linh  
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2020